

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;
2. Bà Nguyễn Phùng Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2019/TLST-HNGĐ ngày 18-7-2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03-10-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1990;
 2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn B, sinh năm 1985;
- Cùng địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12-4-2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:*

Chị và anh Đặng Văn B tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q vào ngày 30-10-2009. Thời gian sống chung với

nhau, quan điểm sống của mỗi người hoàn toàn khác nhau, hàng ngày không hòa thuận, thường xuyên bất đồng, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Chị và anh B có con chung là cháu Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 03-11-2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Đặng Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gọi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh B. Giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét, chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh Đặng Văn B vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Lê Thị L và anh Đặng Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q vào ngày 30-10-2009 nên đây quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng anh B từ chối ký vào các biên bản giao nhận, từ chối nhận các văn bản tố tụng; không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi

kiện của chị L; không đến Tòa án để làm việc, hòa giải. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] Chị Lê Thị L và anh Đặng Văn B có 01 (một) con chung là cháu Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 03-11-2008. Chị L có yêu cầu được nuôi con chung, cháu T cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 91, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chị Lê Thị L được ly hôn anh Đặng Văn B.
2. Giao cháu Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 03-11-2008 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đặng Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001362 ngày 05-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh